TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:71 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

2. Ông Trần Văn Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thành Việt– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 273/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Hà Cẩm Ngọc Th,** sinh năm: 1987; địa chỉ: 405/57A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường v, Thành Phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Ông **Hà Huỳnh Th,** sinh năm: 1978; địa chỉ: 166/32A Nguyễn Huệ, phường h, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các biên bản trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Hà Cẩm Ngọc Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005, bà tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Hà Huỳnh Th tại Ủy ban nhân dân phường 17, Quận v, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 172, đăng ký ngày 02/12/2005, cơ quan cấp chứng nhận đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân phường 17, Quận v, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc kết hôn giữa bà và ông Hà Huỳnh Th là tự nguyện, nhưng không dựa trên mục đích xây dựng hạnh phúc mà chỉ tạo điều kiện tốt hơn cho con chung của bà và ông T được đăng ký khai sinh và học tập thuận lợi về sau. Do đó, ngay từ ban đầu hôn nhân đã không hạnh phúc bà và ông T không có cuộc sống chung. Từ năm

2006, ông Th xé bản chính Đăng ký kết hôn, tuyên bố không còn quan hệ vợ chồng, bà và ông T sống ly thân từ đó, không tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng. Bà một mình nuôi dưỡng con chung khôn lớn đến hiện tại mà không nhận bất cứ sự hỗ trợ, hợp tác nào từ ông Hà Huỳnh Th. Nay con đã khôn lớn và trưởng thành, nhận thấy việc duy trì mối quan hệ hôn nhân này là không cần thiết. Thực tế bà và ông T ly thân từ lâu, bà sống tại 405/57A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 24, Quận v, Tp.Hồ Chí Minh, còn ông T vẫn sống tại địa chỉ nơi đăng ký cư trú trước đây là 166/32A Nguyễn Huệ, Phường b, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, sau này Phường b đổi thành Phường An Hội, quá trình sáp nhập hiện tại địa chỉ này vẫn là Phường v (nhưng hiện thuộc tỉnh Vĩnh Long). Bà và ông T không sống chung, cũng không gặp mặt, nhưng liên lạc đề cập đến việc ly hôn thì ông T không hợp tác, chỉ muốn cản trở và hiện cũng cố tình cắt liên lạc với bà.

Như vậy, quá trình chung sống trong quan hệ vợ chồng này ngắn ngủi, ngay từ đầu đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đến hiện tại tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt mục đích hạnh phúc, do đó ràng buộc về quan hệ pháp lý giữa bà và ông T là không cần thiết nên tôi rất mong muốn được ly hôn. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long cho bà được ly hôn với ông Hà Huỳnh Th. Khi ly hôn, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Hà Huỳnh Th có 01 con chung là Hà Huỳnh Tấn Đ, sinh 11 tháng 12 năm 2002, khai sinh số 63, Quyển số 01 cấp ngày 15/03/2006 tại UBND phường 17, quận v, Tp.Hồ Chí Minh. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Huỳnh Th mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Hà Huỳnh Th đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông Hà Huỳnh Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện

hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Về hôn nhân, bà T được ly hôn ông T. Ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Hà Huỳnh Tấn Đ, sinh 11 tháng 12 năm 2002, đã trưởng thành, nên không xem xét đến.

Về tài sản chung: bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Hà Cẩm Ngọc Th và ông Hà Huỳnh Th là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Hà Huỳnh Th có nơi cư trú tại phường v, tỉnh Vĩnh Long, nên Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T.

[2] Về hôn nhân: bà T và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 17, quận v, thành Phố Hồ Chí Minh (nay là phường h, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 02/12/2005 nên hôn nhân của bà T, ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. bà T và ông T đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng hiện bà T và ông T sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, quá trình chung sống hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà T và ông T có 01 con chung là Hà Huỳnh Tấn Đ, sinh 11 tháng 12 năm 2002, đã trưởng thành, nên không xem xét đến.

[4] Về tài sản chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: bà T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng).*

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hà Cẩm Ngọc Th được ly hôn với ông Hà Huỳnh Th. Ghi nhận việc bà Hà Cẩm Ngọc Th không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Hà Huỳnh Tấn Đ, sinh 11 tháng 12 năm 2002, đã trưởng thành, nên không xem xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà Hà Cẩm Ngọc Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Hà Cẩm Ngọc Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Bà Hà Cẩm Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004792 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Hà Cẩm Ngọc Th đã nộp xong án phí.

Bà Hà Cẩm Ngọc Th và ông Hà Huỳnh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Tĩnh Long;
- UBND Phường H, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Lan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Em.

2. Ông Trần Văn Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 304/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Xa,** sinh năm: 1994, địa chỉ: Tổ 2, ấp Tân Thiện, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Duy,** sinh năm: 1994, địa chỉ: 218A, ấp Phú Thuận, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị Xa có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Duy vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các biên bản trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Võ Thanh Trúc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đình Duy tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng vào năm 2021 thì giữa chị và anh Ngô Đình Duy xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Ngô Đình Duy chị yêu cầu ly hôn

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Đình Duy mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Ngô Đình Duy đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Ngô Đình Duy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị Trúc, anh Duy đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trúc. Về hôn nhân, chị Trúc được ly hôn anh Duy. Ghi nhận chị Trúc không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Võ Trường Thành, sinh ngày 01/04/2010 và Ngô Đình Toàn, sinh ngày 07/01/2020 giao 02 cháu Ngô Võ Trường Thành và Ngô Đình Toàn cho chị Trúc tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Trúc tự nguyện không yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con.

Anh Duy và chị Trúc có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, cấp dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con anh Duy và chị Trúc có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82,83, 84 Luật HN&GĐ.

Về tài sản chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Võ Thanh Trúc và anh Ngô Đình Duy là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Duy có nơi cư trú tại số 298, ấp Phú Nhơn, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm,

anh Duy vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị Trúc có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trúc và anh Duy.

[2] Về hôn nhân: Chị Trúc và anh Duy tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/01/2008 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Trúc xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Chị Trúc và anh Duy đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Duy vắng mặt, không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh Duy không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng hiện chị Trúc và anh Duy sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, quá trình chung sống hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nay chị Trúc xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Duy. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trúc và anh Duy đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trúc. Ghi nhận việc chị Trúc không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Trúc và anh Duy có 02 con chung là Ngô Võ Trường Thành, sinh ngày 01/04/2010 và Ngô Đình Toàn, sinh ngày 07/01/2020 hiện đang sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn, chị Trúc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Thành và cháu Toàn hiện vẫn đang sống với mẹ và được chị Trúc chăm sóc tốt. Tại biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 24/06/2024 cháu Thành có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Qúa trình giải quyết vụ án anh Duy đã được Tòa án thông báo về việc chị Trúc yêu cầu ly hôn và nuôi 02 con nhưng anh Duy không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị Trúc, điều đó chứng tỏ anh đã mặc nhiên chấp nhận cho chị Trúc nuôi con chung.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cũng như yêu cầu nguyện vọng của con chung nên việc giao 02 con chung là Ngô Võ Trường Thành và Ngô Đình Toàn cho chị Trúc tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật HN&GĐ. Ghi nhận chị Trúc tự nguyện không yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Trúc là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thanh Trúc được ly hôn với anh Ngô Đình Duy. Ghi nhận việc chị Trúc không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Ngô Võ Trường Thành, sinh ngày 01/04/2010 và Ngô Đình Toàn, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Trúc tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận việc chị Trúc tự nguyện không yêu cầu anh Duy cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Trúc khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị Võ Thanh Trúc phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002002 ngày 07/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Trúc đã nộp xong án phí.

Chị Trúc, anh Duy có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Lan